

# NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞI/HEAD OFFICE

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP.HCM

201-203 Cách Mạng Tháng Tám Street, Ban Co Ward, HCMC

[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688

[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

Số/No.: 1192 /2025/CBTT-NHNA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Ho Chi Minh City, August 28, 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

OTHER INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức phát hành/Name of organization:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á/Nam A Commercial Joint Stock Bank.
  - Mã chứng khoán/Stock code: NAB.
  - Địa chỉ/Address: 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh/201-203 Cách Mạng Tháng Tám Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.
  - Email: namabank@namabank.com.vn

### 2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công bố thông tin định kỳ 06 tháng đầu năm 2025 về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu. Để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định, Ngân hàng TMCP Nam Á kính gửi đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội văn bản sau:

Periodic information disclosure for the first 06 months of 2025 regarding the using of funds raised from bond issuance status. To disclose the information in accordance with the regulations, Nam A Commercial Joint Stock Bank respectfully sends to the Hanoi Stock Exchange the documents as listed below:

+ Công văn số 1870/2025/CV-NHNA-21 ngày 28/08/2025 về việc Công bố thông tin về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu./Official dispatch No.1870/2025/CV-NHNA-21 dated August 28<sup>th</sup>, 2025, on Disclosure of information on using funds raised from bond issuance status.

+ Báo cáo số 1871/2025/CV-NHNA-21 ngày 28/08/2025 về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu./Report No.1871/2025/CV-NHNA-21 dated August 28<sup>th</sup>, 2025, on using of funds raised from bond issuance status.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Nam Á: <https://www.namabank.com.vn/>

This information has been published on the company's website as in the link: <https://www.namabank.com.vn/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/To:

- Như Kính gửi/As the Greetings part;
- Lưu/Archived: VP HĐQT/Office of BOD.

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/NAM A BANK

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/

Authorized Person to disclose information

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT/

Vice Chairwoman



Võ Thị Tuyết Nga

# NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞIHEAD OFFICE

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bàn Cờ, TP.HCM

201-203 Cách Mạng Tháng Tám Street, Ban Co Ward, HCMC

[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688

Số:/No.: 1870/2025/CV-NHNA-21

V/v:/Ref: Công bố thông tin về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu/Disclosure of information on using funds raised from bond issuance status

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Independence – Freedom – Happiness

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

*Ho Chi Minh City, August 28<sup>th</sup>, 2025*

**Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Nam Á gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về việc sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ tại báo cáo./Pursuant to Circular No.76/2024/TT-BTC dated November 06<sup>th</sup>, 2024 promulgated by Ministry of Finance providing guidelines on information disclosure and reporting on private placement and trading of privately placed corporate bonds in domestic market and offering corporate bonds in international market, Nam A Bank hereby periodically discloses information on using of funds raised from bond issuance in respect of outstanding bonds in the reporting period.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./We hereby certify that the information provided above is true and accurate and we bear the full responsibility to the law./

Nơi nhận:/To

- Như Kính gửi;/As the Greetings part;
- Lưu/Archived:P.KDV/Treasury Trading Dept, P.HCQT/Administrative Management Dept.

**NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/**

Nam A Commercial Joint Stock Bank

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/**

Deputy Chief Executive Officer



**Võ Hoàng Hải**

\*Tài liệu kèm theo:/Attached document:

- Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ./Report on using of funds from bond issuance in respect of outstanding bonds.

Số:/No.: 1871/2025/CV-NHNA-21

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

*Ho Chi Minh City, August 28<sup>th</sup>, 2025*

## **BÁO CÁO/REPORT**

### **Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu/**

*Using of funds raised from bond issuance status*

#### **1. Thông tin về doanh nghiệp/ Business information**

- Tên doanh nghiệp/*Business name*: Ngân hàng TMCP Nam Á/Nam A Commercial Joint Stock Bank
- Giấy phép thành lập và hoạt động số/*Operating License No.*: 18/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13 tháng 04 năm 2023/ *18/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank on April 13, 2023.*
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM/ *201-203 Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City*
- Số điện thoại/*Telephone*: (84-28) 3929 6699; Fax: (84-28) 3929 6688;
- Email: namabank@namabank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp/*Type of business*: Ngân hàng thương mại, công ty đại chúng/*Commercial bank, Public listed company*
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính/*Main business activities*: Hoạt động ngân hàng, hoạt động trung gian tiền tệ khác, kinh doanh mua bán vàng miếng, cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng/*Banking operations, other monetary intermediation activities, trading of gold bars, leasing out unused portions of the bank's business premises.*
- Mã số thuế/*Tax Identification Number*: 0300872315

#### **2. Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu /Purposes of using of funds raised from the bond issuance**

2.1. Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 366/2019/NQQT-NHNA ngày 28/08/2019:/ *Pursuant to bond issuance plan approved in Resolution of the Board of Directors No. 366/2019/NQQT-NHNA dated August 28<sup>th</sup>, 2019:*

- Tổng khối lượng phát hành:/ *Total quantity of bonds issuance*: 200 tỷ đồng/ *200 billions dong*  
Bao gồm mã trái phiếu NAB.BOND.01.2019.200/ *Including bond code NAB.BOND.01.2019.200:*  
200 tỷ đồng/ *200 billions dong.*

- Mục đích sử dụng vốn: *Purposes of using of funds*: Bổ sung nguồn vốn hoạt động, đồng thời nhằm nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng TMCP Nam Á *Increasing operating capital, enhancing financial capacity of Nam A Bank*

2.2. Căn cứ phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1500/2023/NQQT-NHNA ngày 30/11/2023 *Pursuant to bond issuance plan approved in Resolution of the Board of Directors No. 1500/2023/NQQT-NHNA dated August 30<sup>th</sup>, 2023.*

- Tổng khối lượng phát hành: *Total quantity of bonds issuance*: 800 tỷ đồng bao gồm các mã trái phiếu như sau: *800 billions dong including the following bond codes.*

+ NABL2330004: *NABL2330004*: 400 tỷ đồng; *400 billions dong.*

+ NABL2330005: *NABL2330005*: 400 tỷ đồng; *400 billions dong.*

- Mục đích sử dụng vốn: *Purposes of using of funds*: Bổ sung nguồn vốn cho vay, bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi do giải ngân theo tiến độ. *Raising funds for granting loans or adding to reserve requirement at the State Bank in case the funds raised from bond issuance are temporarily idle due to disbursement according to the schedule.*

2.3. Căn cứ phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 815/2024/NQQT-NHNA ngày 30/05/2024. *Pursuant to bond issuance plan approved in Resolution of the Board of Directors No. 815/2024/NQQT-NHNA dated May 30<sup>th</sup>, 2024.*

- Tổng khối lượng phát hành: *Total quantity of bonds issuance*: 1.000 tỷ đồng *1.000 billions dong*  
Bao gồm mã trái phiếu NABL2427001 *Including bond code NABL2427001*: 1.000 tỷ đồng *1.000 billions dong.*

- Mục đích sử dụng vốn: *Purposes of using of funds*: Bổ sung nguồn vốn cho vay, bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi do giải ngân theo tiến độ. *Raising funds for granting loans or adding to reserve requirement at the State Bank in case the funds raised from bond issuance are temporarily idle due to disbursement according to the schedule.*

2.4. Căn cứ phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 890/2024/NQQT-NHNA ngày 13/06/2024. *Pursuant to bond issuance plan approved in Resolution of the Board of Directors No. 890/2024/NQQT-NHNA dated June 13<sup>th</sup>, 2024*

- Tổng khối lượng phát hành: *Total quantity of bonds issuance*: 460 tỷ đồng bao gồm các mã trái phiếu như sau *460 billions dong including the following bond codes:*

+ NABL2430002: *NABL2430002*: 260 tỷ đồng; *260 billions dong;*

+ NABL2430003: *NABL2430003*: 200 tỷ đồng; *200 billions dong.*

- Mục đích sử dụng vốn: *Purposes of using of funds*: Bổ sung nguồn vốn cho vay, bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi do giải ngân theo tiến độ. *Raising funds for granting loans or adding to reserve*

requirement at the State Bank in case the funds raised from bond issuance are temporarily idle due to disbursement according to the schedule.

2.5. Căn cứ phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1172/2024/NQQT-NHNA ngày 29/07/2024./Pursuant to bond issuance plan approved in Resolution of the Board of Directors No. 1172/2024/NQQT-NHNA dated July 29<sup>th</sup>, 2024.

- Tổng khối lượng phát hành:/Total quantity of bonds issuance: 1.500 tỷ đồng bao gồm các mã trái phiếu như sau:/1.500 billions dong including the following bond codes:
  - + NABL2427004:/NABL2427004: 1.000 tỷ đồng;/1.000 billions dong;
  - + NABL2427005:/NABL2427005: 500 tỷ đồng;/500 billions dong.
- Mục đích sử dụng vốn:/Purposes of using of funds: Bổ sung nguồn vốn cho vay, bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi do giải ngân theo tiến độ./Raising funds for granting loans or adding to reserve requirement at the State Bank in case the funds raised from bond issuance are temporarily idle due to disbursement according to the schedule.

2.6. Căn cứ phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 807/2025/NQQT-NHNA ngày 24/06/2025./Pursuant to bond issuance plan approved in Resolution of the Board of Directors No. 807/2025/NQQT-NHNA dated June 24<sup>th</sup>, 2025.

- Tổng khối lượng phát hành:/Total quantity of bonds issuance: 500 tỷ đồng bao gồm mã trái phiếu như sau:/500 billions dong including the following bond code:
  - + NAB12501:/NAB12501: 500 tỷ đồng;/500 billions dong;
- Mục đích sử dụng vốn:/Purposes of using of funds: Bổ sung nguồn vốn trung dài hạn phục vụ nhu cầu cấp tín dụng của Nam A Bank(bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành trái phiếu), bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi do giải ngân theo tiến độ./Supplementing medium and longterm capital to serve the demand of Nam A Bank's credit provision(including loans which are disbursed before and after the issuance time) or adding to reserve requirement at the State Bank in case the funds raised from bond issuance are temporarily idle due to disbursement according to the schedule.

2.7. Căn cứ phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 816/2025/NQQT-NHNA ngày 25/06/2025./Pursuant to bond issuance plan approved in Resolution of the Board of Directors No. 816/2025/NQQT-NHNA dated June 25<sup>th</sup>, 2025.

- Tổng khối lượng phát hành:/Total quantity of bonds issuance: 260 tỷ đồng bao gồm các mã trái phiếu như sau:/260 billions dong including the following bond code:
  - + NAB12502:/NAB12502: 260 tỷ đồng;/260 billions dong;
- Mục đích sử dụng vốn:/Purposes of using of funds: Bổ sung nguồn vốn cho vay (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành trái phiếu), bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu



tạm thời nhàn rỗi do giải ngân theo tiến độ./Raising funds for granting loans (including loans which are disbursed before and after the issuance time) or adding to reserve requirement at the State Bank in case the funds raised from bond issuance are temporarily idle due to disbursement according to the schedule.

**3. Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và tiến độ giải ngân số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn dư nợ:/Using of funds raised from bond issuance status and disbursement schedule of proceeds from the issuance of outstanding corporate bonds:**

| TT/<br>No. | Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu/Purpose of using of funds raised from bond issuance                         | Mã trái phiếu/Bond code | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024/<br>Actual using of funds raised from bond issuance accumulated to date 30/06/2025 | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ 1/1/2025 đến 30/06/2025)/Actual using of funds raised from bond issuance within the reporting period (from 1/1/2024 to 30/06/2025) | Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 30/06/2025/Actual using of funds raised from bond issuance accumulated to date 31/06/2025 |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                                             |                         | Số tiền (đồng)/<br>Amount (dong)                                                                                                                                                      | Số tiền (đồng)/<br>Amount (dong)                                                                                                                                                                                                | Số tiền (đồng)/<br>Amount (dong)                                                                                                                                                  |
| <b>I.</b>  | <b>Tăng vốn cấp 2/<br/>Increase tier-2 capital</b>                                                                          |                         | <b>1.260.000.000.000</b>                                                                                                                                                              | <b>260.000.000.000</b>                                                                                                                                                                                                          | <b>1.260.000.000.000</b>                                                                                                                                                          |
| 1          | Hoạt động cho vay/ Lending activities                                                                                       | NABL2330004             | 299.000.000.000                                                                                                                                                                       | 101.000.000.000                                                                                                                                                                                                                 | 400.000.000.000                                                                                                                                                                   |
|            |                                                                                                                             | NABL2330005             | 400.000.000.000                                                                                                                                                                       | -                                                                                                                                                                                                                               | 400.000.000.000                                                                                                                                                                   |
|            |                                                                                                                             | NABL2430002             | 260.000.000.000                                                                                                                                                                       | (*)                                                                                                                                                                                                                             | (*)                                                                                                                                                                               |
|            |                                                                                                                             | NABL2430003             | 200.000.000.000                                                                                                                                                                       | -                                                                                                                                                                                                                               | 200.000.000.000                                                                                                                                                                   |
|            |                                                                                                                             | NAB12502                | -                                                                                                                                                                                     | -                                                                                                                                                                                                                               | -                                                                                                                                                                                 |
| 2          | Bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước/Add to required reserves at the State bank                                   | NABL2330004             | 101.000.000.000                                                                                                                                                                       | (101.000.000.000)                                                                                                                                                                                                               | -                                                                                                                                                                                 |
|            |                                                                                                                             | NABL2330005             | -                                                                                                                                                                                     | -                                                                                                                                                                                                                               | -                                                                                                                                                                                 |
|            |                                                                                                                             | NABL2430002             | -                                                                                                                                                                                     | (*)                                                                                                                                                                                                                             | (*)                                                                                                                                                                               |
|            |                                                                                                                             | NABL2430003             | -                                                                                                                                                                                     | -                                                                                                                                                                                                                               | -                                                                                                                                                                                 |
|            |                                                                                                                             | NAB12502                | -                                                                                                                                                                                     | 260.000.000.000                                                                                                                                                                                                                 | 260.000.000.000                                                                                                                                                                   |
| <b>II.</b> | <b>Mục đích khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng/Other purposes as prescribed in the The Law on Credit Institutions</b> |                         | <b>2.700.000.000.000</b>                                                                                                                                                              | <b>500.000.000.000</b>                                                                                                                                                                                                          | <b>2.200.000.000.000</b>                                                                                                                                                          |
| 1          | Hoạt động cho vay/ Lending activities                                                                                       | NAB.BOND.01.2019.200    | 200.000.000.000                                                                                                                                                                       | -                                                                                                                                                                                                                               | 200.000.000.000                                                                                                                                                                   |
|            |                                                                                                                             | NABL2427001             | 1.000.000.000.000                                                                                                                                                                     | (*)                                                                                                                                                                                                                             | (*)                                                                                                                                                                               |
|            |                                                                                                                             | NABL2427004             | 990.952.000.000                                                                                                                                                                       | 9.048.000.000                                                                                                                                                                                                                   | 1.000.000.000.000                                                                                                                                                                 |

|             |                                                                                                   |             |                   |                   |                   |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|             |                                                                                                   | NABL2427005 | -                 | 500.000.000.000   | 500.000.000.000   |
|             |                                                                                                   | NAB12501    | -                 | 100.000.000.000   | 100.000.000.000   |
| 2           | Bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước/ <i>Add to required reserves at the State bank</i> | NABL2427001 | -                 | (*)               | (*)               |
|             |                                                                                                   | NABL2427004 | 9.048.000.000     | (9.048.000.000)   | -                 |
|             |                                                                                                   | NABL2427005 | 500.000.000.000   | (500.000.000.000) | -                 |
|             |                                                                                                   | NAB12501    | -                 | 400.000.000.000   | 400.000.000.000   |
| Tổng (I+II) |                                                                                                   |             | 3.960.000.000.000 | 760.000.000.000   | 3.460.000.000.000 |

(\*) 02 mã trái phiếu đã được Ngân hàng mua lại trước hạn trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025/02 bond codes were bought back by the bank before maturity in the period from January 1<sup>st</sup> 2025 to June 30<sup>th</sup> 2025.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của những thông tin công bố nêu trên./ We hereby certify that the information provided above is true and accurate and we bear the full responsibility to the law./

**Nơi nhận:/To**

- Như Kính gửi;/As the Greetings part;
- Lưu/Archived: P.KDV/Treasury Trading Dept, P.HCQT/Administrative Management Dept.

**NGƯỜI LẬP BÁO CÁO/**

*Reporter*

**Trưởng phòng Kinh doanh vốn/**  
*Director Treasury Trading Dept*

  
**Phạm Khắc Nguyễn Anh Tuấn**

**NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/**

*Nam A Commercial Joint Stock Bank*

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/**

*Deputy Chief Executive Officer*

  
  
**Võ Hoàng Hải**

